

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Huệ	Chủ tịch
Ông Kim Dong Ju	Phó Chủ tịch
Ông Lee Eun Hong	Thành viên
Ông Kim Jung Heon	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Bà Nguyễn Minh Hào	Thành viên
Ông Trần Như Tùng	Thành viên
Ông Han Kukyung	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)
Ông Kim Soung Gyu	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tự Lực	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Choi Haeoi	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Kim Dong Ju	Tổng Giám đốc
Ông Kim Soung Gyu	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Kim Dong Ju
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số: 107 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 3 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên báo cáo soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Khu Công nghiệp Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.125.399.714.042	1.171.380.263.282
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	138.000.374.785	88.198.067.189
1. Tiền	111		62.300.374.785	37.498.067.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.700.000.000	50.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	4.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.500.000.000	4.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		223.191.115.985	200.230.642.322
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	197.133.486.560	157.254.434.374
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.759.138.139	38.716.032.088
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.850.301.999	1.850.301.999
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.864.114.821	6.825.799.395
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.415.925.534)	(4.415.925.534)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	669.971.166.314	780.566.506.893
1. Hàng tồn kho	141		678.867.786.192	786.523.332.756
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.896.619.878)	(5.956.825.863)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		89.737.056.958	97.885.046.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.714.805.760	13.438.435.227
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	20	77.022.251.198	84.446.611.651

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Khu Công nghiệp Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.425.195.839.567	1.337.877.302.674
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	35.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		35.000.000	35.000.000
II. Tài sản cố định	220		960.552.809.877	870.879.438.397
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	759.077.100.149	678.830.080.393
- Nguyên giá	222		1.516.807.472.184	1.421.251.210.674
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(757.730.372.035)	(742.421.130.281)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	105.397.751.924	96.422.894.301
- Nguyên giá	225		122.481.336.387	108.078.746.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.083.584.463)	(11.655.852.561)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	96.077.957.804	95.626.463.703
- Nguyên giá	228		115.109.638.452	113.227.155.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.031.680.648)	(17.600.691.997)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	116.230.273.088	116.309.421.416
- Nguyên giá	231		117.556.801.651	117.556.801.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.326.528.563)	(1.247.380.235)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		55.475.024.455	59.080.222.944
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	55.475.024.455	59.080.222.944
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		140.255.727.116	139.780.655.673
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	136.902.304.016	136.537.892.373
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	5.352.050.000	5.352.050.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.998.626.900)	(2.109.286.700)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		152.647.005.031	151.792.564.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	148.265.629.866	149.707.706.815
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	4.381.375.165	2.084.857.429
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.550.595.553.609	2.509.257.565.956

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.699.923.310.921	1.613.565.253.228
I. Nợ ngắn hạn	310		1.314.077.733.411	1.231.314.867.384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	185.953.971.837	211.708.214.262
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		100.375.831.458	62.187.165.921
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	6.991.123.785	2.716.685.719
4. Phải trả người lao động	314		58.189.030.703	53.649.158.385
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	16.987.356.267	31.964.913.478
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	37.129.399.202	9.332.419.792
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	844.890.555.422	817.864.155.627
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		63.560.464.737	41.892.154.200
II. Nợ dài hạn	330		385.845.577.510	382.250.385.844
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		1.080.734.120	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	24	19.835.099.186	19.825.448.142
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	339.711.501.954	340.203.753.202
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	25.218.242.250	22.221.184.500
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		850.672.242.688	895.692.312.728
I. Vốn chủ sở hữu	410		850.672.242.688	895.692.312.728
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	27	491.999.510.000	491.999.510.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	27	22.720.075.000	22.720.075.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	27	(5.939.990.000)	(5.939.990.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	27	171.151.233.610	117.415.559.259
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	27	27.438.003.113	27.438.003.113
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	27	136.406.526.372	235.510.076.193
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		86.615.751.398	81.979.578.048
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		49.790.774.974	153.530.498.145
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	28	6.896.884.593	6.549.079.163
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.550.595.553.609	2.509.257.565.956

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng



Kim Đông Jư
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.518.943.129.758	1.339.874.231.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.553.970.899	1.075.119.974
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	31	1.517.389.158.859	1.338.799.111.186
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	1.332.041.816.440	1.123.481.152.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		185.347.342.419	215.317.958.455
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	15.569.673.478	7.740.937.210
7. Chi phí tài chính	22	35	23.264.698.616	33.204.240.606
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.882.612.080	11.498.961.166
8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	15	1.405.361.643	470.769.614
9. Chi phí bán hàng	25		49.858.983.505	41.384.405.291
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		72.520.254.114	56.012.286.412
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		56.678.441.305	92.928.732.970
12. Thu nhập khác	31	36	810.998.071	2.254.913.972
13. Chi phí khác	32	37	859.808.911	1.005.565.373
14. (Lỗ)/ Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(48.810.840)	1.249.348.599
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		56.629.630.465	94.178.081.569
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	8.787.567.797	7.838.797.154
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	(2.296.517.736)	(20.271.629)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		50.138.580.404	86.359.556.044
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	61		49.790.774.974	86.472.340.322
20. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế của cổ đông không	62	28	347.805.430	(112.784.278)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	761	1.233

Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập

Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng



Kim Đông Ju
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>56.629.630.465</i>	<i>94.178.081.569</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	39.649.242.128	32.210.359.129
Các khoản dự phòng/(Hoàn nhập)	03	2.829.134.215	(7.237.014.076)
(Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(297.121.582)	11.113.328.156
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.879.763.420)	(2.845.385.518)
Chi phí lãi vay	06	17.882.612.080	11.498.961.166
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>113.813.733.886</i>	<i>138.918.330.426</i>
Tăng các khoản phải thu	09	(14.383.027.790)	(77.659.802.475)
Giảm/ (Tăng) hàng tồn kho	10	107.655.546.564	(1.243.940.201)
Tăng các khoản phải trả	11	9.612.117.279	71.275.070.340
Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước	12	2.317.849.751	(26.363.335.033)
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.950.480.918)	(12.154.827.129)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.533.070.004)	(5.895.354.185)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	42.450.000	25.010.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.433.288.907)	(5.078.058.482)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>171.141.829.861</i>	<i>81.823.093.261</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(113.432.697.573)	(134.641.197.065)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.627.310.176	1.241.089.288
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.890.584.408	1.335.296.307
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(109.914.802.989)</i>	<i>(132.064.811.470)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.294.832.772.056	1.008.210.194.800
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.266.351.884.087)	(929.320.708.373)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(15.329.734.295)	(11.064.313.706)
4. Cổ tức đã trả	36	(24.544.728.800)	(58.907.353.680)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(11.393.575.126)</i>	<i>8.917.819.041</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>49.833.451.746</i>	<i>(41.323.899.168)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	88.198.067.189	140.749.128.463
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(31.144.150)	(6.024.121)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	138.000.374.785	99.419.205.174



Phạm Thị Thanh Thủy
Người lập



Nguyễn Minh Hào
Kế toán trưởng


Kim Dong Ju
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

36 Đường Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
Khu Công nghiệp Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004932 ngày 23 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15 số 0301446221 ngày 17 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn cổ phần của Công ty là 491.999.510.000 đồng. Cổ đông chính của Công ty là E-land Asia Holdings Pte Ltd, một Công ty thành lập tại Singapore.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 6.297 (31 tháng 12 năm 2015: 4.921).

Công ty có văn phòng chính tại Khu Công nghiệp Tân Bình và các nhà xưởng tại huyện Hóc Môn, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Long An.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và thương mại dệt may, chi tiết như sau:

- Sản xuất và mua bán các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may;
- Mua bán thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh – thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, đường bộ;
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc – thiết bị;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; và
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các công ty con

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Vốn điều lệ tại ngày 30/6/2016 (VND)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công (“Trung tâm Y khoa Thành Công”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	70,94	21.700.000.000	Cung cấp dịch vụ y tế, mua bán dược phẩm và trang thiết bị y tế
Công ty Cổ phần Thành Quang (“Thành Quang”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	97,50	22.000.000.000	Kinh doanh hạ tầng cơ sở, sản xuất và mua bán vải sợi
Công ty TNHH Một thành viên Thành Công – Vĩnh Long (Thành Công – Vĩnh Long) (*)	Xã Hòa Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	100	94.483.406.255	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bông, xơ, sợi, quần áo, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, hoá chất (trừ hoá chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì ngành dệt may
Công ty TNHH TC Tower (**)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	85,33	-	Hoạt động kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV TC Eland (“TC Eland”) (***)	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	100	3.000.000.000	Kinh doanh các sản phẩm may mặc

(*) Công ty TNHH MTV Thành Công – Vĩnh Long (“Thành Công-Vĩnh Long”) thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500998966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06 tháng 5 năm 2014. Vốn điều lệ đăng ký của công ty con là 129.000.000.000 đồng. Tại ngày của báo cáo này, Công ty đã tiến hành góp vốn vào Thành Công-Vĩnh Long bằng tài sản, máy móc thiết bị với giá trị là 37.293.406.255 đồng và bằng căn trừ công nợ với giá trị là 57.190.000.000 đồng.

(**) Công ty TNHH TC Tower (“TC Tower”) thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000794 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2014. Vốn điều lệ đăng ký của công ty con là 159.150.000.000 đồng. Tại ngày của báo cáo này, Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công chưa tiến hành góp vốn vào TC Tower.

(***) Công ty TNHH MTV TC Eland (“TC Eland”) thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313392612 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2015. Vốn góp đăng ký của công ty con là 6.450.000.000 đồng. Tại ngày của báo cáo này, Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công đã góp 3.000.000.000 đồng vào TC Eland.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Vốn điều lệ tại ngày 30/6/2016 (VND)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thành Chí (“Thành Chí”)	TP. Vũng Tàu	47,43	43.890.000.000	Mua bán và khai thác cát, đá
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (“TCSC”)	Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	24,75	360.000.000.000	Môi giới chứng khoán, kinh doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Phúc (“Thành Phúc”)	Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	23,79	7.000.000.000	Xây dựng và quản lý dự án
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu (“Golf Vũng Tàu”)	Bà Rịa, TP. Vũng Tàu	30,00	29.000.000.000	Cung cấp các dịch vụ du lịch và giải trí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Tập đoàn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày tại Thuyết minh số 28) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11 - Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư, và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	7 - 15
Tài sản khác	7 - 22

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giấy phép bản quyền và phần mềm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 15 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao. Giấy phép bản quyền và phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính là máy móc và thiết bị được khấu hao trong khoảng thời gian từ 10 đến 15 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Nhà cửa và vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính 50 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo số năm phù hợp với từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất tại các Khu công nghiệp Xuyên Á - Tỉnh Long An, Khu công nghiệp Nhị Xuân - Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Khu công nghiệp Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh và Khu công nghiệp Hòa Phú - Tỉnh Vĩnh Long và các khoản trả trước dài hạn khác (được phân bổ không quá 3 năm). Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 45 đến 58 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lễ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty và các công ty con được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông của Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và Điều lệ của các công ty con và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng nó không bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán.

Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	948.750.074	919.707.232
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.351.624.711	36.578.359.957
Các khoản tương đương tiền	75.700.000.000	50.700.000.000
	<u>138.000.374.785</u>	<u>88.198.067.189</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn ba tháng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất trung bình khoảng 5,3%/năm (tại ngày 30 tháng 6 năm 2015: 5,15% đến 5,2%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu từ Eddie Bauer LLC	24.086.808.871	9.299.246.411
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	94.036.426.068	72.567.257.076
Phải thu khách hàng các bên liên quan (Thuyết minh số 42)	79.010.251.621	75.387.930.887
	197.133.486.560	157.254.434.374

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho bên thứ ba vay vào năm 2006. Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này được trích lập dự phòng toàn bộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo chính sách kế toán của Công ty.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên	3.796.684.236	4.596.847.944
Ký cược, ký quỹ	170.670.000	333.650.000
Phải thu khách hàng các bên liên quan:		
- Công ty Cổ phần Thành Chí	2.081.900.000	1.040.950.000
- E-Land Asia Holding Pte.Ltd	786.762.001	-
Phải thu khác	1.028.098.584	854.351.451
	7.864.114.821	6.825.799.395

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	39.294.297.116	-	78.146.323.784	-
Nguyên liệu, vật liệu	194.447.758.786	-	220.513.131.791	-
Công cụ, dụng cụ	1.916.369.145	-	3.105.675.871	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	153.761.957.183	-	188.247.179.291	-
Thành phẩm	261.667.940.057	8.896.619.878	271.456.261.043	5.956.825.863
Hàng hóa	4.895.299.348	-	5.011.570.589	-
Hàng gửi bán	22.884.164.557	-	20.043.190.387	-
	678.867.786.192	8.896.619.878	786.523.332.756	5.956.825.863

Thay đổi trong khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.956.825.863	21.761.969.447
Trích lập trong kỳ/năm	3.734.876.465	-
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(795.082.450)	(15.805.143.584)
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	8.896.619.878	5.956.825.863

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	388.336.598.838	878.575.319.789	23.116.221.054	11.756.198.499	119.466.872.494	1.421.251.210.674
Tăng trong kỳ	1.587.000.000	3.959.647.200	1.998.281.309	430.541.910	1.847.569.229	9.823.039.648
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.289.560.289	75.103.968.062	-	-	28.038.992.709	105.432.521.060
Thanh lý	-	(16.463.338.088)	(216.674.500)	-	(3.019.286.610)	(19.699.299.198)
Tại ngày 30/6/2016	392.213.159.127	941.175.596.963	24.897.827.863	12.186.740.409	146.334.147.822	1.516.807.472.184
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	109.245.687.103	526.018.877.570	11.045.683.592	6.818.768.203	89.292.113.813	742.421.130.281
Khấu hao trong kỳ	4.148.550.711	23.293.170.085	1.062.804.425	427.858.678	3.778.989.348	32.711.373.247
Thanh lý	-	(14.166.170.383)	(216.674.500)	-	(3.019.286.610)	(17.402.131.493)
Tại ngày 30/6/2016	113.394.237.814	535.145.877.272	11.891.813.517	7.246.626.881	90.051.816.551	757.730.372.035
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2016	278.818.921.313	406.029.719.691	13.006.014.346	4.940.113.528	56.282.331.271	759.077.100.149
Tại ngày 31/12/2015	279.090.911.735	352.556.442.219	12.070.537.462	4.937.430.296	30.174.758.681	678.830.080.393

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25, Tập đoàn đã thế chấp nhà cửa và máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 107,3 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2015: 306,6 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 350 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2015: 354 tỷ đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016	108.078.746.862
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	14.402.589.525
Tại ngày 30/6/2016	<u>122.481.336.387</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	11.655.852.561
Khấu hao trong kỳ	5.427.731.902
Tại ngày 30/6/2016	<u>17.083.584.463</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2016	<u>105.397.751.924</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>96.422.894.301</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền <u>VND</u>	Phần mềm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	96.334.416.604	3.942.895.847	12.949.843.249	113.227.155.700
Mua trong kỳ	-	1.409.653.200	-	1.409.653.200
Chuyển từ XDCB dở dang	-	-	472.829.552	472.829.552
Tại ngày 30/6/2016	<u>96.334.416.604</u>	<u>5.352.549.047</u>	<u>13.422.672.801</u>	<u>115.109.638.452</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	9.951.987.248	3.229.134.197	4.419.570.552	17.600.691.997
Khấu hao trong kỳ	305.547.675	328.234.547	797.206.429	1.430.988.651
Tại ngày 30/6/2016	<u>10.257.534.923</u>	<u>3.557.368.744</u>	<u>5.216.776.981</u>	<u>19.031.680.648</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2016	<u>86.076.881.681</u>	<u>1.795.180.303</u>	<u>8.205.895.820</u>	<u>96.077.957.804</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>86.382.429.356</u>	<u>713.761.650</u>	<u>8.530.272.697</u>	<u>95.626.463.703</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25, Tập đoàn đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 9,3 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 9,4 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất □ VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016 và 30/6/2016	7.897.072.749	109.659.728.902	117.556.801.651
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	1.247.380.235	-	1.247.380.235
Khấu hao trong kỳ	79.148.328	-	79.148.328
Tại ngày 30/6/2016	1.326.528.563	-	1.326.528.563
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2016	6.570.544.186	109.659.728.902	116.230.273.088
Tại ngày 31/12/2015	6.649.692.514	109.659.728.902	116.309.421.416

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25, Tập đoàn đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 6,4 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6,6 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Giám đốc không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Tập đoàn có ý định nắm giữ lâu dài cũng như không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tại ngày 01 tháng 01	59.080.222.944	20.916.163.961
Tăng trong kỳ/năm	116.854.884.983	265.089.314.505
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(105.432.521.060)	(168.724.468.686)
Kết chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(14.402.589.525)	(36.736.761.529)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(472.829.552)	(1.486.321.938)
Kết chuyển khác	(152.143.335)	(19.977.703.369)
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	55.475.024.455	59.080.222.944

Trong kỳ, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 519.297.858 đồng (6 tháng đầu năm 2015: 1.343.292.368 đồng).

Tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án chủ yếu như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Khu căn hộ - Thương mại Thành Công Tower 1	24.400.408.572	23.881.110.714
Mua sắm máy móc, thiết bị	30.596.706.792	34.721.203.139
Các dự án khác	477.909.091	477.909.091
	55.475.024.455	59.080.222.944

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	113.046.152.000	113.046.152.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	<u>23.856.152.016</u>	<u>23.491.740.373</u>
	136.902.304.016	136.537.892.373
Lợi thế thương mại	<u>6.384.523.879</u>	<u>6.384.523.879</u>
Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>130.517.780.137</u>	<u>130.153.368.494</u>
Tổng tài sản	581.248.331.722	559.974.752.218
Tổng công nợ	126.420.248.861	110.045.056.599
Tài sản thuần	<u>454.828.082.861</u>	<u>449.929.695.619</u>
Phần tài sản thuần của Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>130.517.780.137</u>	<u>130.153.368.494</u>
	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần	<u>9.322.333.327</u>	<u>6.696.401.572</u>
Lợi nhuận thuần của Công ty từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>1.405.361.643</u>	<u>470.769.614</u>

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	125.000.000	125.000.000
Công ty Cổ phần Dệt May Thắng Lợi	1.576.000.000	1.576.000.000
Công ty Dệt May Huế	318.000.000	318.000.000
Công ty Cổ Phần SY Vina	883.450.000	883.450.000
Vietcombank	<u>2.449.600.000</u>	<u>2.449.600.000</u>
	5.352.050.000	5.352.050.000
Dự phòng cho đầu tư dài hạn khác	<u>(1.998.626.900)</u>	<u>(2.109.286.700)</u>
Đầu tư tài chính khác thuần	<u>3.353.423.100</u>	<u>3.242.763.300</u>

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	149.707.706.815	70.275.464.954
Tăng trong kỳ/năm	4.751.362.203	87.608.838.721
Phân bổ chi phí trong kỳ/năm	<u>(6.193.169.906)</u>	<u>(8.176.596.860)</u>
Khác	<u>(269.246)</u>	<u>-</u>
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	<u>148.265.629.866</u>	<u>149.707.706.815</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.275.021.863	14.350.550.355
Chi phí thuê đất	132.652.277.686	135.266.756.512
Chi phí khác	338.330.317	90.399.948
	148.265.629.866	149.707.706.815

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tập đoàn ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và các kỳ kế toán trước.

	Các khoản dự phòng và chi phí phải trả	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	2.039.742.991	955.596	2.040.698.587
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	17.403.805	26.755.037	44.158.842
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.057.146.796	27.710.633	2.084.857.429
Chuyển sang lợi nhuận(chi phí) trong kỳ	2.298.325.825	(1.808.089)	2.296.517.736
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.355.472.621	25.902.544	4.381.375.165

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Cargill Cotton Limited	27.454.257.551	27.454.257.551	29.060.259	29.060.259
Các bên liên quan	21.140.190.166	21.140.190.166	43.749.653.990	43.749.653.990
Các khoản phải trả khác	139.961.127.074	137.899.524.120	167.929.500.013	167.929.500.013
	188.555.574.791	186.493.971.837	211.708.214.262	211.708.214.262

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	84.446.611.651	86.761.699.547	94.186.060.000	77.022.251.198
	84.446.611.651	86.761.699.547	94.186.060.000	77.022.251.198
b. Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	3.595.194	3.099.803.818	2.048.344.123	1.055.054.889
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.454.333.992	8.787.567.797	5.533.070.004	4.708.831.785
Thuế thu nhập cá nhân	1.258.756.533	7.679.735.509	7.711.805.900	1.226.686.142
Thuế, phí phải nộp khác	-	4.026.754.737	4.026.754.737	-
Thuế nhà thầu	-	487.961.056	487.410.087	550.969
	2.716.685.719	24.081.822.917	19.807.384.851	6.991.123.785

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.244.640.094	6.793.211.074
Chi phí thuê đất (*)	6.896.015.496	20.576.577.272
Chi phí khác	2.846.700.677	4.595.125.132
	<u>16.987.356.267</u>	<u>31.964.913.478</u>

(*) Chi phí thuê đất thể hiện số tiền chưa thanh toán liên quan đến việc thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Phú - Tỉnh Vĩnh Long.

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.559.443.835	1.607.458.475
Cổ tức phải trả	24.673.656.770	118.884.570
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.883.210.288	5.786.540.970
Phải trả khác	3.013.088.309	1.819.535.777
	<u>37.129.399.202</u>	<u>9.332.419.792</u>

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2016		Trong kỳ		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	779.779.103.736	779.779.103.736	1.230.360.573.561	1.206.351.470.985	755.770.001.160	755.770.001.160
- Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	17.949.054.681	17.949.054.681	33.136.374.937	78.543.033.982	63.355.713.726	63.355.713.726
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	408.878.492.986	408.878.492.986	552.149.630.586	436.916.834.460	293.645.696.860	293.645.696.860
- Ngân hàng Standard Chartered - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh			13.211.290.320	13.211.290.320	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Hóc Môn	182.180.598.595	182.180.598.595	273.624.259.001	264.381.214.681	172.937.554.275	172.937.554.275
- Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	10.854.324.853	10.854.324.853	99.918.003.148	158.207.764.597	69.144.086.302	69.144.086.302
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ VN - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	8.969.475.049	8.969.475.049	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank") - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	143.656.970.739	143.656.970.739	213.772.333.282	191.400.965.772	121.285.603.229	121.285.603.229
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam ("VIB") - Chi nhánh FDI	16.259.661.882	16.259.661.882	35.579.207.238	54.720.892.124	35.401.346.768	35.401.346.768
Nợ dài hạn đến hạn trả	65.111.451.686	65.111.451.686	45.248.925.874	42.231.628.655	62.094.154.467	62.094.154.467
- Vay dài hạn đến hạn trả	34.753.639.984	34.753.639.984	29.426.128.223	26.871.064.358	32.198.576.119	32.198.576.119
- Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	30.357.811.702	30.357.811.702	15.822.797.651	15.360.564.297	29.895.578.348	29.895.578.348
	844.890.555.422	844.890.555.422	1.275.609.499.435	1.248.583.099.640	817.864.155.627	817.864.155.627

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Tập đoàn có các hợp đồng tín dụng ngắn hạn để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng	Tài sản thế chấp
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000 Đô la Mỹ	1 năm	Hàng tồn kho
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	500.000.000.000 đồng	1 năm	Tài sản cố định
Ngân hàng Standard Chartered	10.000.000 Đô la Mỹ	5 năm	Thư bảo lãnh của E-land World Ltd
BIDV - Chi nhánh Hóc Môn	380.000.000.000 đồng	1 năm	Hàng tồn kho
HSBC	5.000.000 Đô la Mỹ	1 năm	Hàng tồn kho
Vietinbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000 đồng	Dưới 1 năm	Hàng tồn kho
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh FDI	50.000.000.000 đồng	1 năm	Hàng tồn kho

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện khoản phải nộp vào Kho bạc Nhà nước cho giá trị tăng thêm khi định giá các lô đất mà Công ty được giao hoặc thuê tại thời điểm cổ phần hóa năm 2004. Theo báo cáo định giá tài sản cho mục đích cổ phần hóa ngày 28 tháng 9 năm 2005 của Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn Việt Nam, trong số các lô đất, có 5 lô đất với tổng diện tích 36.716 m² đã được định giá lại. Khoản tiền này sẽ được trả khi Công ty hoàn tất việc chuyển giao quyền sử dụng đất sang tên Công ty.

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2016		Trong kỳ		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
Vay dài hạn	317.030.112.351	317.030.112.351	65.849.473.230	64.399.549.707	315.580.188.828	315.580.188.828
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	138.089.993.000	138.089.993.000	7.265.780.000	11.869.923.000	142.694.136.000	142.694.136.000
- E-Land Asia Holdings Pte Ltd	122.870.000.000	122.870.000.000	-	34.770.000.000	157.640.000.000	157.640.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Hóc Môn	49.961.770.030	49.961.770.030	53.101.463.478	13.293.343.040	10.153.649.592	10.153.649.592
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam ("ANZ") - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	6.108.349.321	6.108.349.321	5.482.229.752	4.466.283.667	5.092.403.236	5.092.403.236
Nợ thuê tài chính dài hạn	22.681.389.603	22.681.389.603	14.162.986.980	16.105.161.751	24.623.564.374	24.623.564.374
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.681.389.603	22.681.389.603	14.162.986.980	16.105.161.751	24.623.564.374	24.623.564.374
	339.711.501.954	339.711.501.954	80.012.460.210	80.504.711.458	340.203.753.202	340.203.753.202

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các khoản vay dài hạn Tập đoàn nhận được từ các ngân hàng trong nước và các cổ đông, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn tín dụng
E-land Asia Holdings Pte. Ltd	01/2011	6.000.000 Đô la Mỹ	3 năm
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0016/DTDA/13CD	23.830.000.000 đồng	5 năm
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0026/DTDA/13CD	927.359 Đô la Mỹ	5 năm
Vietcombank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	0008/DTDA/15CD	140.202.000.000 đồng	6 năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Học Môn	02/2015/93435/HĐTĐ	104.500.000 Yên Nhật	3 năm
	30/2014/93435/HĐTĐ	15.976.000.000 đồng	3 năm
	01/2016/93435/HĐTĐ	83.231.000.000 đồng	7 năm
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	849580-2	115.948 Đô la Mỹ	3 năm
	8523772	82.600 Đô la Mỹ	3 năm
	8560689	65.100 Đô la Mỹ	3 năm
	869471-6	108.500 Đô la Mỹ	3 năm
	8725043	107.800 Đô la Mỹ	3 năm
	8746653	81.900 Đô la Mỹ	3 năm
	8813247	1.252.278.475 Đô la Mỹ	3 năm
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	72.13.10/CTTC	615.200 Đô la Mỹ	3 năm
	72.13.11/CTTC	324.960 Đô la Mỹ	3 năm
	72.14.06/CTTC	386.400 Đô la Mỹ	3 năm
	72.14.07/CTTC	555.555 Đô la Mỹ	3 năm
	72.14.08/CTTC	535.200 Đô la Mỹ	3 năm
	72.14.09/CTTC	216.321,6 Đô la Mỹ	3 năm
	72.14.15/CTTC	232.800 Đô la Mỹ	3 năm
	72.14.16/CTTC	394.400 Đô la Mỹ	3 năm
	72.15.01/CTTC	81.600 Đô la Mỹ	3 năm
	72.15.02/CTTC	213.921,6 Đô la Mỹ	3 năm
	72.15.03/CTTC	525.000 Đô la Mỹ	3 năm
72.15.04/CTTC	275.200 Đô la Mỹ	5 năm	
72.16.01/CTTC	382.400 Đô la Mỹ	5 năm	
72.16.02/CTTC	239.760 Đô la Mỹ	5 năm	

Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	34.753.639.984	32.198.576.119
Trong năm thứ hai	181.487.445.675	33.944.460.778
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	135.542.666.676	265.018.700.550
Sau năm năm	-	16.617.027.500
	<u>351.783.752.335</u>	<u>347.778.764.947</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	34.753.639.984	32.198.576.119
Số phải trả sau 12 tháng	<u>317.030.112.351</u>	<u>315.580.188.828</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản thuê máy móc từ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	30/6/2016	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính	55.339.125.626	56.733.241.527	53.039.201.305	54.519.142.722
Trong vòng một năm	31.795.430.591	30.457.407.872	30.357.811.702	29.895.578.348
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.543.695.035	26.275.833.655	22.681.389.603	24.623.564.374
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	2.299.924.321	2.214.098.805	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	53.039.201.305	54.519.142.722	53.039.201.305	54.519.142.722
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			30.357.811.702	29.895.578.348
Số phải trả sau 12 tháng			22.681.389.603	24.623.564.374

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được trích theo chính sách của Tập đoàn.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Danh sách các cổ đông chính của Công ty nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên và các cổ đông khác được chốt bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) tại ngày 04 tháng 6 năm 2015 và ngày 19 tháng 02 năm 2016 như sau:

	Tại ngày 19/2/2016			As at 04/6/2015		
	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%	VND
E-Land Asia Holdings Pte Ltd	21.270.799	43,23	212.707.990.000	21.270.799	43,23	212.707.990.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam Vinatex (*)	9	-	90.000	9	-	90.000
Khác	27.828.693	56,57	278.286.930.000	27.828.693	56,57	278.286.930.000
Cổ phiếu quỹ	100.450	0,20	1.004.500.000	100.450	0,20	1.004.500.000
	49.199.951	100	491.999.510.000	49.199.951	100	491.999.510.000

(*) Vinatex là cổ đông Nhà nước

Cổ phiếu

	30/6/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	49.199.951	49.199.951
Số lượng cổ phiếu quỹ	100.450	100.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.099.501	49.099.501

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015							
Số dư tại 01/01/2015	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	66.895.435.333	27.438.003.113	204.059.505.845	807.172.539.291
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	86.472.340.322	86.472.340.322
Phân phối quỹ	-	-	-	50.520.123.926	-	(92.620.227.197)	(42.100.103.271)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(29.459.700.600)	(29.459.700.600)
Số dư tại 30/6/2015	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	117.415.559.259	27.438.003.113	168.451.918.370	822.085.075.742
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016							
Số dư tại 01/01/2016	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	117.415.559.259	27.438.003.113	235.510.076.193	889.143.233.565
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	49.790.774.974	49.790.774.974
Phân phối quỹ	-	-	-	53.735.674.351	-	(99.794.823.795)	(46.059.149.444)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(49.099.501.000)	(49.099.501.000)
Số dư tại 30/6/2016	491.999.510.000	22.720.075.000	(5.939.990.000)	171.151.233.610	27.438.003.113	136.406.526.372	843.775.358.095

Theo biên bản Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2016 số 01/2016/BB-ĐHCD ngày 08 tháng 4 năm 2016, các cổ đông Công ty đã phê duyệt kế hoạch trích lập cho quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 35% và 30% từ lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2015.

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHCD ngày 08 tháng 4 năm 2016, các cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được tính như sau:

	Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Thành Quang VND	Thành Công - Vĩnh Long VND	TC Eland VND
Vốn điều lệ của công ty con	21.700.000.000	22.000.000.000	94.483.406.255	3.000.000.000
<i>Trong đó:</i>				
Vốn góp từ Công ty	15.395.000.000	21.450.000.000	94.483.406.255	3.000.000.000
Vốn góp từ cổ đông thiểu số	6.305.000.000	550.000.000	-	-
Tỷ suất lợi ích cổ đông không kiểm soát	29,06%	2,50%	-	-

Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Thành Quang VND	Thành Công - Vĩnh Long VND	TC Eland VND	Tổng VND
Tổng tài sản	23.934.268.504	22.000.000.000	255.080.671.248	7.752.741.493	308.767.681.245
Tổng công nợ	2.090.137.076	-	238.927.855.652	2.606.767.014	243.624.759.742
Tài sản thuần	21.844.131.428	22.000.000.000	16.152.815.596	5.145.974.479	65.142.921.503
<i>Trong đó:</i>					
Vốn góp chủ sở hữu	21.700.000.000	22.000.000.000	94.483.406.255	3.000.000.000	141.183.406.255
Thặng dư vốn cổ phần	(1.340.000.000)	-	-	-	(1.340.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	1.484.131.428	-	(78.330.590.659)	2.145.974.479	(74.700.484.752)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	6.346.884.593	550.000.000	-	-	6.896.884.593
<i>Trong đó:</i>					
Vốn góp chủ sở hữu	6.305.000.000	550.000.000	-	-	6.855.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	(389.404.000)	-	-	-	(389.404.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	431.288.593	-	-	-	431.288.593

Lợi ích cổ đông không kiểm soát dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Trung tâm Y khoa Thành Công VND	Thành Quang VND	Thành Công - Vĩnh Long VND	TC Eland VND	Tổng VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty con	1.196.852.823	-	(41.085.409.024)	1.785.686.816	(38.102.869.385)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	347.805.430	-	-	-	347.805.430

Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát trong kỳ như sau:

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	7.055.000.000	(389.404.000)	(116.516.837)	6.549.079.163
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	347.805.430	347.805.430
Số dư tại ngày 30/6/2016	7.055.000.000	(389.404.000)	231.288.593	6.896.884.593

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại tệ các loại:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Đô la Mỹ ("USD")	2.124.183	1.360.416
Yên Nhật ("JPY")	98.613	99.339
Euro ("EUR")	<u>216</u>	<u>221</u>

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
May mặc và dệt may		
Doanh thu	1.498.479.534.325	1.322.545.863.158
Giá vốn	<u>1.320.725.360.983</u>	<u>1.113.342.833.959</u>
Lợi nhuận gộp	<u>177.754.173.342</u>	<u>209.203.029.199</u>
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe		
Doanh thu	16.118.023.291	12.621.013.333
Giá vốn	<u>10.932.835.700</u>	<u>10.085.031.269</u>
Lợi nhuận gộp	<u>5.185.187.591</u>	<u>2.535.982.064</u>
Khác		
Doanh thu	2.791.601.243	3.632.234.695
Giá vốn	<u>383.619.757</u>	<u>53.287.503</u>
Lợi nhuận gộp	<u>2.407.981.486</u>	<u>3.578.947.192</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Tập đoàn không tiến hành lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ do không đủ cơ sở để tiến hành chia tách.

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Trong nước		
Doanh thu	108.908.755.041	140.712.845.562
Giá vốn	<u>95.605.675.739</u>	<u>117.853.688.302</u>
Lợi nhuận gộp	<u>13.303.079.302</u>	<u>22.859.157.260</u>
Xuất khẩu		
Doanh thu	1.408.480.403.818	1.198.086.265.624
Giá vốn	<u>1.236.436.140.701</u>	<u>1.005.627.464.429</u>
Lợi nhuận gộp	<u>172.044.263.117</u>	<u>192.458.801.195</u>

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không trình bày báo cáo bộ phận theo tài sản do Ban Giám đốc không có thông tin về bộ phận này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

31. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Sản phẩm vải và may mặc	1.469.936.965.700,00	1.274.023.355.003
Phí gia công	30.096.539.524,00	46.980.390.647
Khác	18.909.624.534,00	18.870.485.510
	<u>1.518.943.129.758</u>	<u>1.339.874.231.160</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại/giảm giá	(1.553.970.899)	(1.075.119.974)
	<u>1.517.389.158.859</u>	<u>1.338.799.111.186</u>
32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP		
	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	831.501.543.768	674.963.774.888
Chi phí nhân công	298.293.841.108	220.765.412.377
Chi phí khấu hao	21.532.389.384	28.228.849.449
Chi phí sản xuất chung	180.330.422.423	199.469.828.513
Chi phí khác	383.619.757	53.287.504
	<u>1.332.041.816.440</u>	<u>1.123.481.152.731</u>
33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	698.229.694.206	650.869.097.772
Chi phí nhân công	312.888.491.777	243.973.742.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.278.786.103	32.210.359.129
Chi phí dịch vụ bên ngoài	335.259.311.467	275.404.987.376
Chi phí khác	70.218.722.297	55.068.689.195
	<u>1.453.875.005.850</u>	<u>1.257.526.875.748</u>
34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.898.259.306	1.186.652.372
Cổ tức được chia	246.000.000	176.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.425.414.172	6.378.034.838
	<u>15.569.673.478</u>	<u>7.740.937.210</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền vay	17.882.612.080	11.498.961.166
Hoàn nhập dự phòng các khoản dự phòng đầu tư tài chính	(110.659.800)	(550.044.300)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	5.492.746.336	22.255.323.740
	<u>23.264.698.616</u>	<u>33.204.240.606</u>

36. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	1.011.713.532
Thu thanh lý, nhượng bán vật tư	271.972.838	398.288.524
Thu nhập khác	539.025.233	844.911.916
	<u>810.998.071</u>	<u>2.254.913.972</u>

37. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán	669.857.529	-
Chi từ thanh lý, nhượng bán vật tư	165.970.007	45.670.979
Chi phí khác	23.981.375	959.894.394
	<u>859.808.911</u>	<u>1.005.565.373</u>

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	56.629.630.465	94.178.081.569
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	(627.978.359)	4.734.626.850
- Tăng thu nhập chịu thuế	9.638.493.664	11.869.968.678
- Giảm nhập chịu thuế	(10.266.472.023)	(7.135.341.828)
Thu nhập tính thuế	56.001.652.106	98.912.708.419
Trong đó:		
+ Thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	52.052.615.841	98.912.708.419
+ Thu nhập khác	3.949.036.265	-
Thuế suất áp dụng		
+ Đối với thu nhập từ các hoạt động hưởng thuế suất ưu đãi	15%	15%
+ Đối với thu nhập từ dịch vụ cho thuê văn	20%	22%
+ Đối với thu nhập khác	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.597.699.629	14.836.906.263
Miễn thuế	-	(7.418.453.131)
Điều chỉnh kỳ trước	189.868.168	420.344.022
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>8.787.567.797</u>	<u>7.838.797.154</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% trong 12 năm từ 2006 đến 2017 đối với các hoạt động chính tại khu công nghiệp. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo được quy định tại Điều 36, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004, Nghị định số 164/2003/NĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2004. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có lợi nhuận tính thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với hoạt động dịch vụ cho thuê văn phòng trong khu công nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trong 10 năm từ 2006 đến 2015. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo căn cứ theo Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có lợi nhuận chịu thuế. Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2016, Công ty áp dụng mức 20% thuế thu nhập doanh nghiệp cho lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động này.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

Các công ty con còn lại của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới và số liệu của kỳ báo cáo trước cũng được phân loại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	49.790.774.974	86.472.340.322
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.447.693.744	25.941.702.097
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.343.081.230	60.530.638.224
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.099.501	49.099.501
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>761</u>	<u>1.233</u>

40. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ	4.490.746.072	4.135.451.633

Tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán, Tập đoàn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.437.414.864	6.525.437.584
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	22.502.619.876	25.258.950.336
Sau năm năm	24.698.679.483	25.099.717.815
	<u>54.638.714.223</u>	<u>56.884.105.735</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê đất và phí quản lý tại Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú – Thành phố Hồ Chí Minh và Khu công nghiệp Trảng Bàng-Tỉnh Tây Ninh. Các điều khoản hợp đồng và phí thuê được quy định cụ thể tại mỗi hợp đồng.

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn (bao gồm vốn góp chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tập đoàn tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Các khoản vay	1.184.602.057.376	1.158.067.908.829
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(138.000.374.785)	(88.198.067.189)
Nợ thuần	1.046.601.682.591	1.069.869.841.640
Vốn chủ sở hữu	850.672.242.688	895.692.312.728
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,23	1,19

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.000.374.785	88.198.067.189
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.670.293.610	156.952.762.290
Các khoản đầu tư	2.767.600.000	2.767.600.000
	339.438.268.395	247.918.429.479
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	53.039.201.305	54.519.142.722
Các khoản vay	1.131.562.856.071	1.103.548.766.107
Phải trả người bán và phải trả khác	223.083.371.039	221.040.634.054
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.987.356.267	31.964.913.478
	1.424.672.784.682	1.411.073.456.361

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm lập báo cáo như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2016	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	233.589.125.675	180.370.962.437	729.181.709.890	1.031.735.997.041
Euro (EUR)	5.314.570	5.400.842	-	3.492.919.125
Yên Nhật (JPY)	21.281.672	18.421.424	-	11.636.780.000,00
Kwon (Won)	-	-	272.006.237,00	282.188.079,00
	233.615.721.917	180.394.784.703	729.453.716.127	1.047.147.884.245

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tập đoàn chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tập đoàn trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tập đoàn sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
	đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
	VND	VND
USD	(24.779.629.211)	(36.201.982.230)
EUR	265.729	(39.157.052)
	(24.779.363.482)	(36.241.139.282)

Áp dụng phân tích tương tự đối với Yên Nhật và Won Hàn Quốc, mức tăng/giảm của các đồng ngoại tệ này không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tập đoàn từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm/tăng 11.315.628.561 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 9.088.352.851 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tập đoàn đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

30/6/2016	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.000.374.785	-	138.000.374.785
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.670.293.610	-	198.670.293.610
Các khoản đầu tư	-	2.767.600.000	2.767.600.000
	336.670.668.395	2.767.600.000	339.438.268.395
Các khoản nợ thuê tài chính	30.357.811.702	22.681.389.603	53.039.201.305
Các khoản vay	814.532.743.720	317.030.112.351	1.131.562.856.071
Phải trả người bán và phải trả khác	223.083.371.039	-	223.083.371.039
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.987.356.267	-	16.987.356.267
	1.084.961.282.728	339.711.501.954	1.424.672.784.682
Chênh lệch thanh khoản thuần	(748.290.614.333)	(336.943.901.954)	(1.085.234.516.287)

31/12/2015	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.198.067.189	-	88.198.067.189
Phải thu khách hàng và phải thu khác	156.952.762.290	-	156.952.762.290
Các khoản đầu tư	-	2.767.600.000	2.767.600.000
	245.150.829.479	2.767.600.000	247.918.429.479
Các khoản nợ thuê tài chính	29.895.578.348	24.623.564.374	54.519.142.722
Các khoản vay	787.968.577.279	315.580.188.828	1.103.548.766.107
Phải trả người bán và phải trả khác	221.040.634.054	-	221.040.634.054
Chi phí phải trả ngắn hạn	31.964.913.478	-	31.964.913.478
	1.070.869.703.159	340.203.753.202	1.411.073.456.361
Chênh lệch thanh khoản thuần	(825.718.873.680)	(337.436.153.202)	(1.163.155.026.882)

Bất chấp các chênh lệch thanh khoản hiện tại, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh và bằng việc duy trì tối thiểu một số các khoản tín dụng sẵn sàng sử dụng. Hạn mức tín dụng còn lại của các khoản vay có thể sử dụng được trình bày tại Thuyết minh số 23 và số 25.

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

E-land Asia Holdings Pte Ltd
 Công ty Cổ phần Trung tâm Y khoa Thành Công
 Công ty TNHH MTV Thành Công – Vĩnh Long
 Công ty TNHH MTV TC Eland
 Công ty Cổ phần Thành Chí
 Eland World Limited
 Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd
 Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd
 Eland Fashion Hong Kong Limited - Taiwan Branch
 Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch
 Eland Fashion Hong Kong Limited
 Eland Retail Limited
 Công ty TNHH Eland Việt Nam
 Công ty Cổ Phần S.Y VINA
 Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex
 Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd
 Wish Fashion (Shanghai) Co., Ltd
 Eland Fashion India PVT.Ltd

Mối quan hệ

Cổ đồng chính
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland
 Công ty trong cùng Tập đoàn Eland

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Bán hàng		
Eland World Limited	290.578.812.835	218.402.201.999
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	16.540.775.543	91.160.196.543
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	44.517.738.085	49.896.830.992
Eland Fashion Hong Kong Limited	8.309.988.528	9.461.762.175
Công ty TNHH Eland Việt Nam	1.420.715.183	434.332.787
E-Land Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	95.761.350.969	-
Eland Fashion Hong Kong Limited - Taiwan Branch	588.842.040	-
Công ty CP SY Vina	3.141.734	-
Công ty CP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex	6.441.816	-
Eland Fashion India PVT.Ltd	55.761.300	-
Eland Retail Limited	-	779.483.161
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	-	15.318.908.511
Mua hàng		
Eland World Limited	8.606.803.834	21.877.403.024
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	37.900.239.415	72.814.476.861
Công ty TNHH Eland Việt Nam	3.914.296.321	2.025.941.236
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	764.222.635	30.058.000
Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	1.036.529.826	1.575.603.526
Wish Trading (Shanghai) Co., Ltd	873.023.213	762.626.793
Lãi vay		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	519.297.858	721.251.101
Cổ tức công bố cho		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	10.635.399.500	25.524.958.800
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	5.009.547.874	4.434.130.322
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán:		
	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Eland Fashion (Shanghai) Co., Ltd	2.563.000.852	1.543.419.990
Eland Fashion Hong Kong Limited	5.671.802.660	1.130.604.900
Eland World Limited	50.772.639.879	47.517.326.523
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	7.464.495.791	3.085.948.489
Eland Asia Holding Pte.Ltd - Hong Kong Branch	12.018.211.944	21.935.155.050
Eland Fashion Hong Kong Ltd - Taiwan Branch	174.666.282	175.475.935
Eland Fashion India PVT.Ltd	55.786.350	-
Công ty TNHH Eland Việt Nam	289.647.863	-
	79.010.251.621	75.387.930.887

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY - ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu khác		
E-Land Asia Holding Pte.Ltd	786.762.001	-
Công ty Cổ phần Thành Chí	2.081.900.000	1.040.950.000
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Eland International Fashion (Shanghai) Co., Ltd	17.594.662.976	31.397.592.759
Eland World Limited	89.360.000	11.922.392.020
Wish Trading (Shanghai) Co.Ltd	50.929.615	107.343.157
Công ty Cổ Phần S.Y VINA	342.953.880	24.015.646
Công ty CP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	460.680.741	298.310.408
Công ty TNHH Eland Việt Nam	2.601.602.954	-
	<u>21.140.190.166</u>	<u>43.749.653.990</u>
Vay phải trả		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	122.870.000.000	157.640.000.000
Lãi vay phải trả		
E-land Asia Holdings Pte Ltd	6.732.112.756	6.212.814.898

43. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tiền chi trả cổ tức trong kỳ không bao gồm khoản tiền 24.673.656.770 đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 118.884.570 đồng) là số tiền cổ tức đã công bố mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


 Phạm Thị Thanh Thủy
 Người lập


 Nguyễn Minh Hào
 Kế toán trưởng


 Kim Đông Jù
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2016